

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án

1.1. Tên dự án: Dự án Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 – Hợp phần tỉnh Đắk Nông.

1.2. Địa điểm xây dựng: Các phường Bắc Gia Nghĩa, phường Nam Gia Nghĩa, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

1.3. Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Đắk Nông cũ (nay là UBND tỉnh Lâm Đồng).

1.4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Gia Nghĩa

1.5. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: Dự án nhóm B; Công trình giao thông (đường đô thị và cầu đường bộ) cấp III, Hạ tầng kỹ thuật; cấp III.

1.6. Mục tiêu cụ thể của dự án

- Mục tiêu tổng quát: Cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường; Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu; Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Mục tiêu cụ thể dự án:

+ Cải thiện môi trường đô thị, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật cho hồ Trung Tâm, hồ Thiên Nga bao gồm kè chống sạt lở và đường giao thông ven hồ.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước nhằm giảm thiểu ngập lụt, cải thiện cảnh quan vệ sinh môi trường, thích ứng với BĐKH cho khu vực trung tâm thành phố Gia Nghĩa, đảm bảo an sinh cho khoảng 40.000 người dân.

+ Kết nối giao thông các khu vực dân cư đô thị 2 phía bờ hồ Trung Tâm cũng như hệ thống giao thông nội thị của Thành phố Gia Nghĩa.

+ Góp phần giúp chỉnh trang đô thị Thành phố Gia Nghĩa trở nên xanh, sạch, đẹp và phù hợp với Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh của Chính phủ.

+ Nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý và thực hiện dự án; nâng cao năng lực nhận thức cộng đồng, tăng cường năng lực quản lý vận hành, giám sát bảo trì cho cán bộ địa phương nhằm đảm bảo phát huy hiệu quả bền vững của dự án.

1.7. Tổng mức đầu tư dự án: 1.499.213.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn bốn chín mươi chín tỷ, hai trăm mười ba triệu đồng đồng).

1.8. Nguồn vốn: Vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Vốn đối ứng từ Ngân sách thành phố Gia Nghĩa (nay là tỉnh Lâm Đồng).

1.9. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2024-2027.

1.10. Mục tiêu và Quy mô đầu tư xây dựng

1.10.1. Mục tiêu đầu tư: Cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường; Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu; Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

1.10.2. Quy mô đầu tư: Theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt dự án Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 – Hợp phần tỉnh Đắk Nông. Gồm 03 hợp phần chính:

- Hợp phần 01: Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thu gom nước thải trong và ngoài mạng lưới;

+ Xây dựng kè bảo vệ chống sạt lở bờ hồ Trung tâm và hồ Thiên Nga;

+ Đường và cầu trong khu vực trung tâm thành phố (Khu vực hồ Trung tâm).

- Hợp phần 02: Hỗ trợ tăng cường năng lực, thể chế, chính sách

+ Xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển đô thị xanh, tích hợp khả năng ứng phó biến đổi khí hậu;

+ Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro thiên tai, kiểm soát và phòng ngừa thảm họa.

2. Mô tả khái quát về gói thầu

2.1. Tên gói thầu: Gói thầu số 07: Tư vấn khảo sát xây dựng, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán

2.2. Nội dung gói thầu: Thực hiện công tác tư vấn khảo sát xây dựng, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.

2.3. Loại hợp đồng: Trọn gói

3. Mục đích lựa chọn nhà thầu

Việc tuyển chọn Nhà thầu tư vấn nhằm lựa chọn Nhà thầu có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dịch vụ tư vấn xây dựng, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán theo đúng thời gian và tiến độ yêu cầu, với

khối lượng đầy đủ, chi phí hợp lý, đảm bảo chất lượng hồ sơ dự án, đáp ứng được các nhiệm vụ của dự án và các yêu cầu theo quy định hiện hành.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu

1.1. Khảo sát xây dựng phục vụ lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán

- Công tác khảo sát xây dựng được thực hiện trên toàn phạm vi dự án: Theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt dự án Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 – Hợp phần tỉnh Đắk Nông

- Thời gian thực hiện công tác khảo sát: Dự kiến 60 ngày.

- Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các công việc theo bảng tiên lượng dưới đây đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

(Theo Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND Thành phố Gia Nghĩa về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát bước lập thiết kế bản vẽ thi công dự án: Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 – Hợp phần tỉnh Đắk Nông)

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
I	CÔNG TÁC THU THẬP SỐ LIỆU		
1	Khảo sát hạ tầng kỹ thuật hiện hữu tại các công trình	Công	15,00
II	KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH		
II.1	Lập lưới không chế mặt bằng và độ cao		
1	Kiểm tra toàn bộ tổng chiều dài 77,63 Km đã được thực hiện bước NCKT, cấp địa hình IV mốc DCII (309 điểm).	Công	31,00
II.2	Đo vẽ bình đồ, cắt dọc, cắt ngang		
II.2.1	Hợp phần 1.1: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thu gom nước thải trong và ngoài mạng lưới		
1	Đo bình đồ tuyến, tỷ lệ 1/500 địa hình cấp	100ha	1,06

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
	IV, trên cạn (tuyến đường ống)		
2	Đo vẽ mặt cắt dọc địa hình cấp IV, trên cạn tỷ lệ 1/200; 1/50	100m	705,31
3	Đo vẽ mặt cắt ngang địa hình cấp IV, trên cạn tỷ lệ 1/200	100m	194,23
II.2.2	Hợp phần 1.2: Xây dựng kè bảo vệ chống sạt lở bờ hồ Trung tâm và hồ Thiên Nga		
1	Đo bình đồ tỷ lệ 1/1.000 địa hình cấp IV, trên cạn	100ha	0,191
2	Đo bình đồ lòng hồ, tỷ lệ 1/1.000 địa hình cấp IV, dưới nước	100ha	0,178
3	Đo vẽ mặt cắt dọc địa hình cấp IV, trên cạn tỷ lệ 1/1000; 1/100	100m	51,03
4	Đo vẽ mặt cắt dọc địa hình cấp IV, dưới nước tỷ lệ 1/1000; 1/100	100m	51,03
5	Đo vẽ mặt cắt ngang địa hình cấp IV, trên cạn	100m	15,018
6	Đo vẽ mặt cắt ngang địa hình cấp IV, dưới nước	100m	10,012
II.2.3	Hợp phần 1.3: Đường và cầu trong khu vực trung tâm thành phố		
II.2.3.1	Các tuyến đường		
1	Đo bình đồ tuyến, tỷ lệ 1/1.000 địa hình cấp IV, trên cạn	100ha	0,392
2	Đo vẽ mặt cắt dọc địa hình cấp IV, trên cạn tỷ lệ 1/1000; 1/100	100m	47,56
3	Đo vẽ mặt cắt ngang địa hình cấp IV, trên cạn tỷ lệ 1/200	100m	71,35
4	Đo vẽ bình đồ nút giao, tỷ lệ 1/500 địa hình	ha	8,00

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
	cấp IV, trên cạn		
5	Đo vẽ mặt cắt dọc nút giao, tỷ lệ 1/1000 địa hình cấp IV, trên cạn	100m	13,50
6	Đo vẽ mặt cắt ngang nút giao, tỷ lệ 1/200 địa hình cấp IV, trên cạn	100m	36,00
II.2.3.2	Cầu qua hồ Trung Tâm		
1	Đo bình đồ tuyến, tỷ lệ 1/500 địa hình cấp IV, đường đồng mức 1m trên cạn	Ha	1,10
2	Đo bình đồ tuyến, tỷ lệ 1/500 địa hình cấp IV, đường đồng mức 1m dưới nước	Ha	1,40
3	Đo vẽ mặt cắt dọc địa hình cấp IV, trên cạn	100m	1,10
4	Đo vẽ mặt cắt dọc địa hình cấp IV, dưới nước	100m	1,40
5	Đo vẽ mặt cắt ngang địa hình cấp IV, trên cạn	100m	1,65
IV	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH		
IV.1	Khảo sát địa chất công trình cầu (02 hố khoan)		
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở dưới nước. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III	m	36,00
2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở dưới nước. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV-VI	m	24,00
IV.2	Công tác thí nghiệm địa chất cầu		
1	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	Lần	18,00
2	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp IV-VI	Lần	12,00

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
3	Thí nghiệm 7 chỉ tiêu mẫu đất phá hủy		6,00
3.1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	6,00
3.2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	6,00
3.3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	6,00
3.4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	6,00
3.5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	6,00
3.6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	6,00
3.7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	6,00
4	Thí nghiệm 9 chỉ tiêu mẫu đất nguyên dạng		15,00
4.1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	15,00
4.2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	15,00
4.3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	15,00
4.4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	15,00
4.5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo	1 chỉ tiêu	15,00

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
4.6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	15,00
4.7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên	1 chỉ tiêu	15,00
4.8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	15,00
4.9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	15,00
5	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đá	Mẫu	4,00
6	Thí nghiệm xác định chỉ tiêu hóa lý của nước mặt	Mẫu	2,00
7	Thí nghiệm xác định chỉ tiêu hóa lý của nước ngầm	Mẫu	2,00
IV.3	Khảo sát địa chất công trình đường		
1	<i>Khảo sát nền đất yếu</i>		
1.1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I -III	m	42,00
1.2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá IV- VI	m	28,00
2	<i>Khảo sát mái taluy đào</i>		
2.1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III	m	96,00
2.2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá	m	64,00

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
	IV- VI		
3	Đào hố thăm dò địa chất nền đường	m3	2,00
IV.4	Công tác thí nghiệm địa chất công trình đường		
1	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	Lần	69,00
2	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp IV-VI	Lần	46,00
3	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường	Lần	21,00
4	Thí nghiệm 7 chỉ tiêu mẫu đất phá hủy		24,00
4.1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	24,00
4.2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	24,00
4.3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	24,00
4.4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	24,00
4.5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	24,00
4.6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	24,00
4.7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	24,00
5	Thí nghiệm 9 chỉ tiêu mẫu đất nguyên dạng		56,00
5.1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí	1 chỉ	56,00

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
	thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	tiêu	
5.2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	56,00
5.3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	56,00
5.4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	56,00
5.5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo	1 chỉ tiêu	56,00
5.6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	56,00
5.7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	56,00
5.8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên	1 chỉ tiêu	56,00
5.9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	56,00
6	Thí nghiệm nén 3 trục sơ đồ UU	1 chỉ tiêu	3,00
7	Thí nghiệm nén 3 trục sơ đồ CU	1 chỉ tiêu	3,00
8	Thí nghiệm nén một trục không nở hông (nén cố kết, Cv)	1 chỉ tiêu	3,00
9	Thí nghiệm Đầm nén tiêu chuẩn	Mẫu	2,00
10	Thí nghiệm CBR	Mẫu	2,00
IV.5	Khảo sát địa chất công trình hạ tầng kỹ thuật và kè hồ		

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở dưới nước. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III	m	109,45
2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở dưới nước. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV-VI	m	72,97
IV.6	<i>Công tác thí nghiệm địa chất công trình hạ tầng kỹ thuật và kè hồ</i>		
1	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	Lần	55,00
2	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp IV-VI	Lần	36,00
3	Thí nghiệm 7 chỉ tiêu mẫu đất phá hủy		19,00
3.1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	19,00
3.2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	19,00
3.3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	19,00
3.4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	19,00
3.5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	19,00
3.6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	19,00
3.7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	19,00

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
4	Thí nghiệm 9 chỉ tiêu mẫu đất nguyên dạng		45,00
4.1	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	45,00
4.2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	45,00
4.3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	45,00
4.4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	45,00
4.5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo	1 chỉ tiêu	45,00
4.6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	45,00
4.7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	45,00
4.8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên	1 chỉ tiêu	45,00
4.9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	45,00

1.2. Lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán

Trên cơ sở các kết quả đã thực hiện ở giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, các hồ sơ khảo sát trong gói thầu, đơn vị tư vấn cần thực hiện hoàn thiện các hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán cho các công trình theo các yêu cầu sau:

Thực hiện toàn bộ công tác thiết kế bản vẽ thi công cho các công trình, hạng mục được mô tả tại Quy mô đầu tư theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt dự án Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 – Hợp phần tỉnh Đắk Nông. Hồ sơ thiết

kế bản vẽ thi công cần tuân thủ Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định hiện hành có liên quan;

Thực hiện toàn bộ các công tác Lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán theo đúng các quy định hiện hành (thuyết minh, thiết kế bản vẽ, lập tổng dự toán,...);

- Bản vẽ thiết kế xây dựng phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng. Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì thiết kế. Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế xây dựng phải xác nhận vào hồ sơ và đóng dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng;

- Đề xuất giải pháp thiết kế; vật liệu phù hợp với tính năng, chi phí và vận hành sản xuất. Hoàn thiện thiết kế và cung cấp thêm bản vẽ và có trách nhiệm giải trình trước cơ quan chức năng (khi có yêu cầu);

- Bố trí đủ người có kinh nghiệm, chuyên môn phù hợp để thực hiện; cử người có đủ điều kiện năng lực để làm chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ trì lập dự toán;

- Chỉ định cá nhân, bộ phận thuộc tổ chức của mình đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công việc kiểm tra nội bộ chất lượng hồ sơ thiết kế; Nội dung Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán, phải đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn hiện hành, tuam thủ đúng Quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam còn hiệu lực thi hành;

- Tiếp thu ý kiến thẩm định và giải trình hoặc chỉnh sửa hồ sơ thiết kế theo ý kiến thẩm định;

- Lập chỉ dẫn kỹ thuật, quy trình bảo trì: Chỉ dẫn kỹ thuật là cơ sở để thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng; Chỉ dẫn kỹ thuật phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình xây dựng được phê duyệt và yêu cầu của thiết kế xây dựng;

- Lập hồ sơ dự toán xây dựng công trình theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành có liên quan;

- Giám sát tác giả theo quy định;

- Tư vấn sẽ thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Trong trường hợp phát sinh các đầu mục công việc khảo sát và thiết kế, đơn vị tư vấn sẽ xác định khối lượng và phạm vi công việc trình Chủ đầu tư thông qua trước khi tiến hành thực hiện. Các chi phí bổ sung phát sinh sẽ thực hiện theo quy định hiện hành.

2.3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn:

Ngay sau khi ký hợp đồng.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện

Tiến độ thực hiện: Thực hiện hoàn thành dịch vụ tư vấn này tối đa trong vòng 90 ngày.

Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết (bao gồm cả bố trí nhân lực, thiết bị) để thực hiện từng hạng mục công việc, kể cả thời gian hội thảo, xin ý kiến,... đảm bảo tổng thời gian thực hiện tối đa là 90 ngày.

- Tài liệu khảo sát: 07 bộ hồ sơ theo quy định + USB file mềm.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán: 07 bộ hồ sơ + USB file mềm.
- File mềm Hồ sơ scan bản gốc có đóng dấu thẩm định (sau khi hoàn thành công tác thẩm định).

Trong mọi trường hợp, quyền sở hữu các sản phẩm dịch vụ tư vấn cho dù là nhà tư vấn đã hoàn thành toàn bộ hoặc một phần trong phạm vi các dịch vụ tư vấn như mô tả trong bảng điều khoản tham chiếu sẽ hoàn toàn thuộc về Chủ đầu tư.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu

- Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu tại chương III của E-HSMT.

- Nhân sự nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu tại mục nhân sự của Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

- Nhà thầu không được đề xuất nhân sự để thực hiện gói thầu này trùng với nhân sự đang thực hiện cho gói thầu khác trong cùng một thời gian thì nhân sự đó được đánh giá là 0 điểm.

- Trường hợp xét thấy cần thiết, bên mời thầu sẽ yêu cầu nhà thầu nộp tài liệu làm rõ, chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt của mình (nhà thầu phải chuẩn bị sẵn bản gốc bằng cấp, tài liệu liên quan để đối chiếu khi bên mời thầu yêu cầu đối chiếu xác thực).

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Phối hợp chặt chẽ với và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhà thầu tư vấn trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, số liệu và các văn bản liên quan cho nhà thầu tư vấn trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc nhà thầu tư vấn trong suốt quá trình thực hiện dịch vụ cũng như xử lý các vi phạm hợp đồng có liên quan.
- Tổ chức nghiệm thu sản phẩm hợp đồng, thanh toán, quyết toán hợp đồng đúng quy định, trình cho cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Thực hiện các điều khoản hợp đồng được ký kết.